

Số: 898 /QĐ-BNN-CN

Hà Nội, ngày 02 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Đề án “Phát triển bền vững ngành Ong đến năm 2030”

BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

Căn cứ Nghị định số 105/2022/NĐ-CP ngày 22/12/2022 của Chính phủ quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 1520/QĐ-TTg ngày 06/10/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chiến lược Phát triển Chăn nuôi giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045”;

Quyết định số 150/QĐ-TTg ngày 28/01/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2050;

Căn cứ Quyết định số 4066/QĐ-BNN-TCCB ngày 04/10/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Cục Chăn nuôi;

Căn cứ Quyết định số 1741/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Đề án Phát triển công nghiệp sản xuất giống vật nuôi đến năm 2030”;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Chăn nuôi.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề án “Phát triển bền vững ngành Ong đến năm 2030” gồm các nội dung chủ yếu sau đây

I. QUAN ĐIỂM PHÁT TRIỂN

1. Phát huy tiềm năng, lợi thế của các vùng sinh thái để phát triển bền vững ngành Ong theo chuỗi giá trị, truy xuất được nguồn gốc sản phẩm.

2. Phát triển nghề nuôi ong hàng hóa, dịch vụ gắn với sinh thái theo hướng chuyên nghiệp hóa, hiện đại hóa trên cơ sở phát huy kinh nghiệm phù hợp từ nghề nuôi ong truyền thống để tạo sinh kế, nâng cao thu nhập cho người dân và góp phần bảo vệ đa dạng sinh học trong nông nghiệp, tự nhiên.

3. Chế biến sâu và đa dạng hóa sản phẩm ong có giá trị gia tăng cao đáp ứng nhu cầu thị trường, đẩy mạnh xuất khẩu, nâng cao năng lực cạnh tranh trên thị trường quốc tế.

4. Ứng dụng thành tựu khoa học, công nghệ mới, nâng cao hiệu quả, sức cạnh tranh của ngành Ong.

5. Xã hội hóa và quốc tế hoá các hoạt động trong ngành Ong.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

a) Phát triển bền vững, nâng cao sức cạnh tranh của ngành Ong, xây dựng và bảo vệ thương hiệu sản phẩm ong Việt Nam.

b) Sản phẩm hàng hóa của ngành Ong được sản xuất chủ yếu từ các cơ sở nuôi ong chuyên nghiệp, bảo đảm an toàn sinh học, an toàn dịch bệnh, truy xuất nguồn gốc, thân thiện với môi trường, đáp ứng yêu cầu chất lượng, an toàn thực phẩm cho tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Duy trì số lượng từ 1,3 đến 1,5 triệu đàn ong được di chuyển theo nguồn hoa, nguồn mật, đạt năng suất mật bình quân cả nước trên 42 kg/đàn/năm đối với ong ngoại và trên 18 kg/đàn/năm đối với ong nội;

b) Tổng sản lượng mật ong ổn định 55-60 nghìn tấn/năm, trong đó xuất khẩu khoảng 80% và tiêu dùng nội địa khoảng 20%.

III. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Ứng dụng KHCN, chủ động chọn tạo, nhân đủ nguồn ong giống có năng suất, chất lượng phù hợp chăn nuôi ong ở các vùng sinh thái

a) Bảo tồn hiệu quả các giống ong nội bản địa để làm nguyên liệu chọn lọc, nhân thuần các giống ong nội phù hợp chủ yếu cho các nguồn hoa đặc sản để phát triển sản phẩm OCOP ở các địa phương có giá trị gia tăng cao gắn với du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp.

b) Nhập khẩu các giống ong ngoại có năng suất, chất lượng cao, có tính kháng bệnh để chọn tạo, nhân đàn mở rộng quy mô nuôi ong chuyên nghiệp, sản xuất hàng hóa tập trung, chủ yếu phục vụ xuất khẩu.

c) Chọn tạo các giống ong nội, ong ngoại, ong không ngòi đốt, ong nghệ chuyên dụng cho thụ phấn cây trồng (đặc biệt là cây trồng có giá trị cao trong nhà kính) và cho nuôi cảnh.

d) Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ bảo tồn, phát triển và khai thác bền vững nguồn gen ong mật bản địa, bổ sung một số loài ong bản địa đã được định danh vào danh mục cần bảo tồn để phục vụ chọn tạo giống ong nội.

đ) Lai tạo giữa giống ong ngoại (*Apis mellifera*) nhập khẩu với các giống ong ngoại đã tuyển chọn ở trong nước để tạo giống/chủng mới có năng suất, chất lượng cao, có tính kháng bệnh, ký sinh phù hợp với mục đích sử dụng và vùng sinh thái.

e) Nghiên cứu phát triển để hoàn thiện và mở rộng quy mô áp dụng kỹ thuật thụ tinh nhân tạo cho ong chúa giống ở quy mô công nghiệp kết hợp với chọn giống ong theo quần thể khép kín để cải tiến chất lượng ong giống về năng suất, chất lượng, khả năng kháng bệnh.

2. Điều tra, khảo sát về tính đa dạng sinh học và sản phẩm mật ong đặc thù của ong mật chưa thuần hóa

a) Điều tra, khảo sát các loài ong mật **có ngòi đốt** bản địa sống hoang dã ở các vùng sinh thái khác nhau ở nước ta để tài liệu hóa đặc điểm sinh học, tập tính và khả năng sản xuất mật của từng loài để có khuyến cáo người dân có cách thức khai thác bền vững, bảo đảm sự đa dạng sinh học về loài ở Việt Nam. Xây dựng các sản phẩm OCOP đặc trưng cho các loài mật đặc thù của các loài này.

b) Điều tra, khảo sát các loài ong mật **không ngòi đốt** bản địa hoang dã ở các vùng sinh thái khác nhau ở nước ta để tài liệu hóa đặc điểm sinh học, tập tính và khả năng sản xuất mật, phấn của từng loài để có khuyến cáo người dân có cách thức khai thác bền vững, bảo đảm sự đa dạng sinh học về loài ở Việt Nam. Xây dựng các sản phẩm OCOP đặc trưng cho các loài mật, phấn, keo ong đặc thù của các loài này.

c) Nghiên cứu phát triển các loại thùng, dụng cụ nuôi và các hình thức nhân đàn hiệu quả đối với ong không ngòi đốt để phục vụ nuôi lấy sản phẩm, thụ phấn cho cây trồng, nuôi làm cảnh.

3. Điều tra, khảo sát cây thức ăn cho ong và sản xuất thức ăn bổ sung cho ong mật

a) Điều tra về trữ lượng cây nguồn mật, cây nguồn phấn, cây nguồn mật và phấn của mỗi vùng sinh thái để lập kế hoạch phát triển đàn ong phù hợp với nguồn cây thức ăn cho ong có sẵn.

b) Thực hiện điều tra, khảo sát định kỳ về cây nguồn mật, cây nguồn phấn làm thức ăn cho ong ở các vùng sinh thái khác nhau để là cơ sở cho việc hình thành vùng nuôi ong chuyên nghiệp/hàng hóa.

c) Nghiên cứu hoàn thiện quy trình sản xuất và thương mại hóa sản phẩm đối với thức ăn bổ sung cho ong sử dụng trong vụ Đông và khi khai thác nguồn mật lá.

4. Kiểm soát dịch bệnh, an toàn thực phẩm và nguồn gốc sản phẩm

a) Triển khai hằng năm chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm đối với cơ sở nuôi ong, thu mua, sơ chế, chế biến mật ong phục vụ mục đích thương mại để tiêu dùng trong nước và xuất khẩu.

b) Xây dựng, trình ban hành quy trình kiểm soát an toàn sinh học cho các cơ sở nuôi ong quy mô nông hộ và trang trại để làm tiền đề xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh, vùng an toàn dịch bệnh, vùng an toàn sinh học.

c) Nghiên cứu ứng dụng các giải pháp tổng hợp để điều trị bệnh, ve ký

sinh trên ong ngoại, ong nội góp phần bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm ong.

d) Tăng cường kiểm soát dư lượng hoá chất, kháng sinh và các hoá dược trong sản phẩm ong đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm và truy xuất nguồn gốc.

đ) Thực hiện chuyển đổi số và xây dựng cơ sở dữ liệu ở các khâu trong chuỗi giá trị sản phẩm ong để phục vụ cho việc truy xuất nguồn gốc, phòng chống gian lận thương mại đối với các sản phẩm ong.

e) Nghiên cứu phát triển các phương pháp thử nghiệm ứng dụng công nghệ cao trong phân tích đồng vị phóng xạ đối với các bon để phục vụ truy xuất nguồn gốc sản phẩm mật ong.

5. Đổi mới sản xuất, thương mại trong ngành Ong

a) Mở rộng, đổi mới các chuỗi liên kết sản xuất sản phẩm ong, đứng đầu là doanh nghiệp thương mại trong nước và xuất khẩu, ưu tiên liên kết với hợp tác xã, trang trại nuôi ong góp phần duy trì bền vững cơ cấu tổng đàn ong mật: khoảng 80% tổng đàn là ong ngoại, 20% là ong nội phù hợp với nguồn thức ăn tự nhiên cho ong và nhu cầu thị trường đối với sản phẩm ong.

b) Ưu tiên xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia, định mức kinh tế kỹ thuật và các quy trình kỹ thuật chăn nuôi ong khác nhau phục vụ ngành Ong.

c) Nghiên cứu phát triển và hoàn thiện quy trình kỹ thuật chuyển đổi theo lộ trình từ nuôi ong thùng đơn sang nuôi ong thùng kế để nâng cao năng suất, chất lượng mật ong.

d) Đầu tư cho chế biến sâu, đa dạng hóa các sản phẩm ong để nâng cao giá trị gia tăng, gắn với xúc tiến thương mại để đa dạng hóa thị trường xuất khẩu và mở rộng thị trường trong nước.

đ) Tổ chức lại hệ thống thu gom, sơ chế, chế biến, chế biến sâu các sản phẩm ong theo hướng tập trung, công nghiệp gắn với vùng nuôi ong hàng hoá, bảo đảm yêu cầu về bảo yêu cầu của thị trường.

6. Về chính sách phát triển chăn nuôi ong

a) Rà soát cơ chế, chính sách liên quan đến xây dựng các cơ sở thu gom, sơ chế, chế biến sản phẩm ong theo hướng chuỗi giá trị gắn với vùng phát triển chăn nuôi ong hàng hoá.

b) Tích hợp nội dung chính sách hỗ trợ cơ sở nuôi ong bị thiên tai, dịch bệnh trong chính sách hỗ trợ phát triển chăn nuôi, nông nghiệp.

c) Ưu tiên kinh phí để tăng cường hoạt động quản lý của nhà nước trong việc kiểm soát chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc sản phẩm mật ong và các sản phẩm khác từ ong mật.

d) Đưa các giống ong mật có năng suất, chất lượng, kháng bệnh cao đã

được công nhận giống hoặc tiến bộ kỹ thuật theo quy định vào Chương trình trợ giá gốc giống vật nuôi do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý.

7. Hợp tác quốc tế và đào tạo nguồn nhân lực

a) Hợp tác quốc tế

- Xây dựng, duy trì và phát triển thương hiệu quốc gia cho sản phẩm mật ong Việt Nam và tiến hành bảo hộ tại các thị trường nước ngoài nhằm nâng cao hình ảnh, thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm mật ong Việt Nam ra thị trường thế giới.

- Huy động và khai thác có hiệu quả hợp tác quốc tế trong đào tạo, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ và chuyển đổi số trong ngành Ong.

- Tranh thủ sự ủng hộ trong hợp tác song phương, đa phương, đặc biệt là sự ủng hộ của các tổ chức quốc tế như FAO, UNDP, TWO để tiến tới giảm thuế chống bán phá về “không” đối mật ong của Việt Nam vào thị trường Hoa Kỳ.

- Hợp tác quốc tế với các tổ chức hoạt động về thử nghiệm, chứng nhận có năng lực, uy tín và được công nhận quốc tế để chứng nhận nguồn gốc sản phẩm mật ong của Việt Nam.

b) Đào tạo nguồn nhân lực

- Xây dựng và thực hiện chương trình đào tạo/tập huấn nâng cao năng lực quản lý nhà nước về các côn trùng sản xuất (trong đó có ngành Ong) cho cán bộ quản lý nhà nước các cấp.

- Đẩy mạnh hình thức đào tạo chuyên sâu cho đội ngũ bác sỹ thú y, kỹ sư chăn nuôi thực hành về các lĩnh vực chuyên môn/quản lý trong ngành Ong.

- Ưu tiên bố trí kinh phí hàng năm từ chương trình khuyến nông, chương trình nông thôn mới ở các cấp cho hoạt động đào tạo/tập huấn, xây dựng mô hình, truyền thông về nghề nuôi ong cho các đối tượng khác nhau, ưu tiên cho các đối tượng chính sách, đồng bào dân tộc thiểu số, phụ nữ và nông dân.

IV. CÁC NHIỆM VỤ ƯU TIÊN

1. Phát triển về giống ong;
2. Xây dựng TCVN về sản phẩm từ ong mật;
3. Phát triển về thức ăn bổ sung, thức ăn thay thế cho ong;
4. Điều tra định kỳ trữ lượng cây nguồn mật phục vụ cho phát triển nuôi ong hàng hoá phục vụ xuất khẩu;
5. Nghiên cứu các phương pháp thụ phấn cho cây trồng bằng cách sử dụng các loài ong khác nhau.

(chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

V. NGUỒN VỐN THỰC HIỆN

1. Huy động nguồn vốn

- Nguồn ngân sách nhà nước cấp theo quy định.

- Nguồn ngân sách nhà nước cấp theo quy định.
- Lòng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình mục tiêu, chương trình, kế hoạch, dự án khác.
- Nguồn vốn vay ưu đãi, vốn ODA (nếu có).
- Tổ chức, cá nhân đầu tư và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác.

2. Sử dụng hiệu quả nguồn vốn đầu tư chăn nuôi

- Ngân sách nhà nước ưu tiên đầu tư cho phát triển hạ tầng kỹ thuật phục vụ nghiên cứu, đào tạo nguồn nhân lực; nâng cao năng lực quản lý ngành Ong;
- Đẩy mạnh xã hội hóa, khuyến khích tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước đầu tư vào các hoạt động sản xuất, kinh doanh, chế biến và thị trường tiêu thụ và thử nghiệm/và chứng nhận sản phẩm ong theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Cục Chăn nuôi

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị, tổ chức, cá nhân và địa phương tổ chức thực hiện Đề án.
- Kiểm tra, giám sát, sơ kết, đánh giá kết quả thực hiện hàng năm, năm năm và đề xuất kiến nghị Bộ trưởng quyết định vấn đề phát sinh vượt thẩm quyền bổ sung, điều chỉnh Đề án phù hợp thực tiễn.
- Xây dựng hệ thống giống ong quốc gia, hệ thống quản lý thông tin, cơ sở dữ liệu ngành Ong Việt Nam.
- Chủ trì tổ chức các cuộc điều tra định kỳ, đột xuất trên phạm vi cả nước, vùng sinh thái về các lĩnh vực trong ngành Ong, ưu tiên cho điều tra về cây thức ăn cho ong.
- Thúc đẩy nhanh việc liên kết giữa các khâu sản xuất của ngành Ong, thành lập các THT, HTX, tổ nhóm để tiếp cận với doanh nghiệp, để sản xuất mật ong và sản phẩm từ ong mật đáp ứng tiêu chuẩn xuất khẩu.

2. Cục Thú y

- Hoàn thiện ban hành các tiêu chuẩn, quy chuẩn quốc gia quy định điều kiện sản xuất, chế biến, chất lượng sản phẩm mật ong.
- Triển khai hàng năm chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm đối với nuôi ong, thu mua, sơ chế, chế biến mật ong phục vụ mục đích thương mại để tiêu dùng trong nước và xuất khẩu theo quy định tại Thông tư số 15/2022/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định về việc kiểm tra, giám sát vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm đối với mật ong.
- Thiết lập hệ thống nhận dạng và truy xuất nguồn gốc sản phẩm từ ong mật.

3. Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường, Trung tâm Khuyến nông Quốc gia

- Thực hiện các chương trình quảng bá, giới thiệu sản phẩm ong mật tại các diễn đàn, hội chợ trong nước và quốc tế.

- Đẩy mạnh chương trình khuyến nông theo chuỗi khép kín, đa dạng hóa các chương trình truyền thông nhằm từng bước thay đổi nhận thức và các thói quen không phù hợp trong nuôi, chế biến và tiêu dùng sản phẩm của ngành Ong.

- Tăng cường xây dựng và nhân rộng các mô hình nuôi ong thung kể.

- Truyền thông chuyên sâu theo chuyên đề về nuôi ong mật có lợi cho cây trồng tạo ra sự đồng thuận và phối hợp chặt chẽ giữa ngành Ong và ngành Trồng trọt tạo thành hệ sinh thái nông nghiệp và tự nhiên bền vững.

4. Vụ Hợp tác quốc tế

- Tiếp tục vận động các nước, vùng lãnh thổ, các tổ chức quốc tế có liên quan ủng hộ, hỗ trợ Việt Nam trong việc giải quyết các vụ tranh chấp thương mại, đặc biệt là chống bán phá giá đối với mật ong của Việt Nam xuất khẩu vào Hoa Kỳ trên cơ sở bình đẳng theo quy định của WTO và luật pháp quốc tế.

- Xây dựng các chương trình hài hòa hóa về hệ thống quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc đối sản phẩm từ ong của Việt Nam theo các công ước quốc tế.

- Tăng cường hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học, đào tạo và thương mại với các nước, vùng lãnh thổ có tiềm năng về khoa học công nghệ và thị trường với Việt Nam.

5. Vụ Khoa học, Công nghệ và Môi trường

- Hỗ trợ khảo sát, đánh giá, bảo tồn, khai thác và phát triển nguồn gen các giống ong bản địa và công tác nghiên cứu, chuyển giao, ứng dụng các TBKT, công nghệ mới, công nghệ tiên tiến để nâng cao chất lượng, ATTP, truy xuất nguồn gốc cho mật ong và các sản phẩm từ ong;

- Hỗ trợ và chỉ đạo xây dựng các TCVN, QCVN cho ngành Ong để phù hợp với các quy định của quốc gia nhập khẩu, khu vực và quốc tế.

6. Các Viện, Trường

- Tăng cường công tác đào tạo nâng cao nguồn nhân lực cho ngành Ong.

- Hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo nguồn nhân lực chuyên sâu cho ngành Ong.

- Đề xuất và tập trung nghiên cứu để nâng cao chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc sản phẩm ong, trong đó có mật ong, nuôi ong an toàn sinh học, theo hướng hữu cơ, sinh thái để có sản phẩm an toàn, đáp ứng tiêu chuẩn phục vụ xuất khẩu và tiêu dùng trong nước.

- Phối hợp với các tổ chức trong và ngoài nước có liên quan, các địa

phương để bảo tồn các giống ong bản địa tạo sản phẩm đặc sản gắn với chỉ dẫn địa lý và ứng dụng các loài ong mật trong thụ phấn cho cây trồng có giá trị kinh tế cao.

7. Hội, Hiệp hội

- Tăng cường vai trò của hội, hiệp hội trong việc giải quyết các tranh chấp thương mại quốc tế và hỗ trợ các doanh nghiệp trong xúc tiến thương mại trong nước và xuất khẩu sản phẩm ong.

- Phối hợp với các Bộ, ngành tuyên truyền, khuyến khích các cơ sở nuôi ong sản xuất theo chuỗi giá trị, truy xuất được nguồn gốc sản phẩm, thực hiện tốt các quy định của pháp luật hiện hành về chăn nuôi, thú y, an toàn thực phẩm và thương mại.

- Khẩn trương tổ chức Đại hội Ban chấp hành Hội Ong Việt Nam nhiệm kỳ tiếp theo để tổ chức lại ngành Ong Việt Nam trong giai đoạn tới thích ứng với những thay đổi chiến lược ở trong và ngoài nước.

8. Doanh nghiệp xuất khẩu mật ong và các sản phẩm từ ong mật

- Xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc điện tử QRcode dựa trên kết nối mã định danh các cơ sở nuôi ong, thu gom, sơ chế, chế biến, và doanh nghiệp xuất khẩu. Sản xuất sản phẩm theo chuỗi truy gốc được nguồn gốc sản phẩm theo mã định danh của cơ sở.

- Xây dựng và triển khai các giải pháp phù hợp, hiệu quả để khuyến khích những cơ sở nuôi ong tham gia vào chuỗi giá trị xuất khẩu đối với sản phẩm ong.

- Thực hiện tốt vai trò phản biện xã hội trong việc xây dựng quy định pháp luật, chính sách hỗ trợ liên quan đến ngành Ong của cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

9. Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương

- Xây dựng hệ thống quản lý thông tin, cơ sở dữ liệu chăn nuôi ong tại địa phương để phục vụ truy xuất nguồn gốc.

- Triển khai hằng năm chương trình, kế hoạch kiểm tra, giám sát vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm trên địa bàn của địa phương đối với nuôi ong, thu mua, sơ chế, chế biến mật ong phục vụ mục đích thương mại để tiêu dùng trong nước và xuất khẩu theo quy định tại Thông tư số 15/2022/TT-BNNPTNT ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về Quy định việc kiểm tra, giám sát vệ sinh thú y và an toàn thực phẩm đối với mật ong.

- Điều tra về trữ lượng cây nguồn mật, cây nguồn phấn, cây nguồn mật và phấn ở địa phương để làm căn cứ kiểm soát số lượng đàn ong mật có mật phù hợp tại địa phương.

- Khuyến khích và hỗ trợ thành lập các doanh nghiệp, HTX, THT chăn nuôi ong theo chuỗi giá trị, hướng hữu cơ, áp dụng tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất,

sơ chế, chế biến và thương mại hóa sản phẩm.

- Tổ chức xây dựng kế hoạch thực hiện Đề án phù hợp với điều kiện tại địa phương.

- Phối hợp với các Bộ, ngành tuyên truyền lợi ích của nghề nuôi ong thông qua hoạt động thụ phấn cho cây trồng và sản phẩm ong. Tạo điều kiện thuận lợi cho người nuôi ong di chuyển đàn đến các vùng trồng tập trung cây thức ăn cho ong mật.

Điều 3. Hiệu lực và trách nhiệm thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký ban hành.

2. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Chăn nuôi và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, các tổ chức, cá nhân có liên quan và Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cấp tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

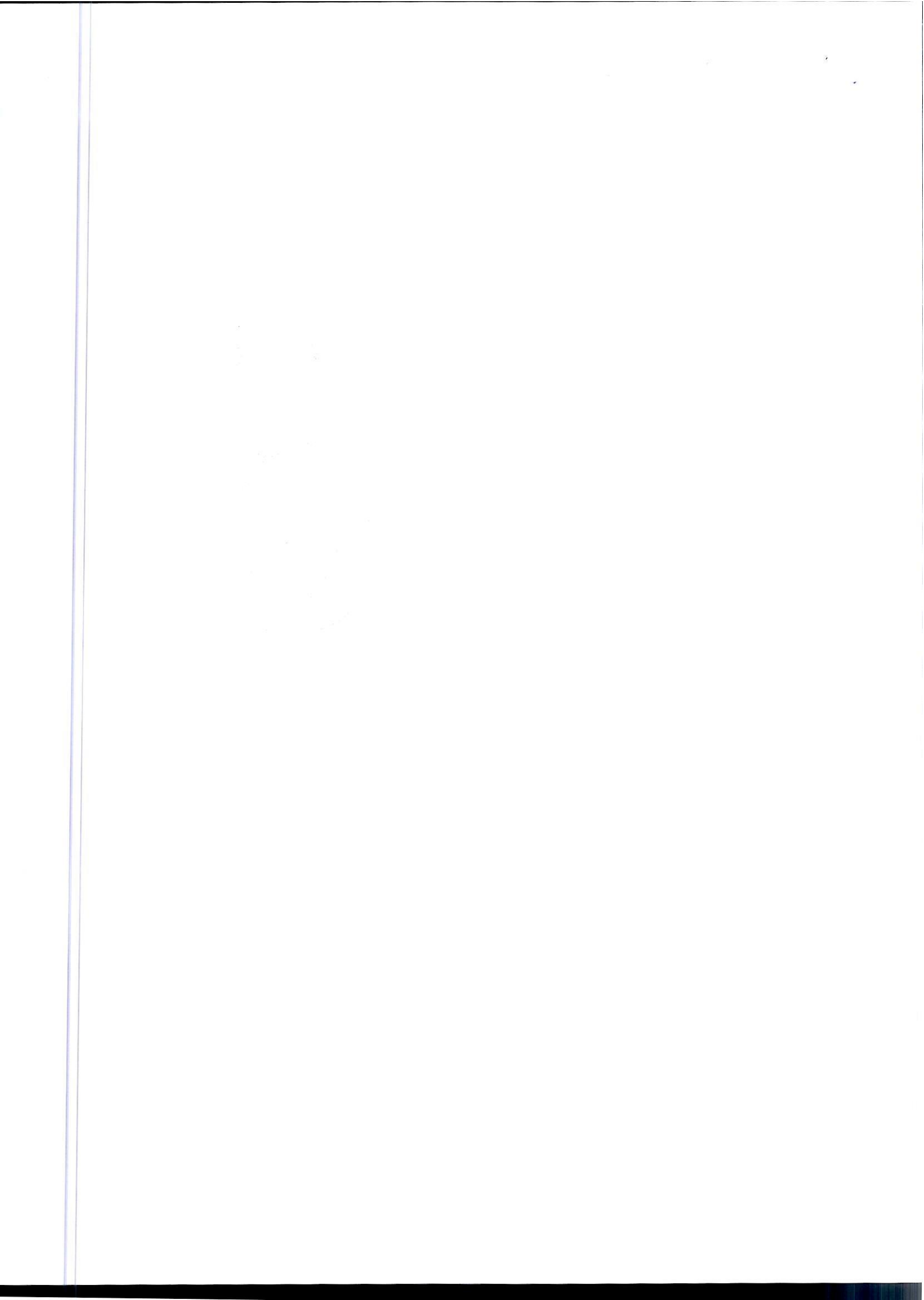
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Cục: CN, TY, Chất lượng, Chế biến và PTTT;
- Các Vụ: KHCNMT, HTQT;
- TTKNQ, Viện CN, HVNNVN;
- Hiệp hội ngành Ong;
- Các doanh nghiệp xuất khẩu mật ong;
- Sở Nông nghiệp và PTNT các tỉnh, thành phố;
- Lưu: VT, CN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Phùng Đức Tiến





Phụ lục

CÁC NHIỆM VỤ ƯU TIÊN

(Kèm theo Quyết định số 898 /QĐ-BNN-CN ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và PTNT)

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến nhu cầu vốn (triệu)	Thời gian triển khai
1	Phát triển về giống ong	<ul style="list-style-type: none">- Chọn lọc, lai tạo phát triển các giống ong mật có tính tụ đàn lớn, năng suất mật cao, kháng bệnh và ve ký sinh phục vụ nhu cầu về ong chúa giống cho người sản xuất.- Ứng dụng công nghệ tiên tiến nâng cao năng lực quản lý, nuôi dưỡng đàn ong, phòng trị dịch hại, khai thác, chế biến các sản phẩm ngành Ong.	Cục Chăn nuôi	Trung tâm Nghiên cứu và chuyển giao công nghệ chăn nuôi; Trung tâm nghiên cứu ong và nuôi ong Nhiệt đới; một số địa phương	350.000	2024 - 2030
2	Xây dựng TCVN về sản phẩm từ ong mật	Tăng cường hiệu lực công tác quản lý Nhà nước về sản phẩm từ ong mật nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm đáp ứng yêu cầu thị hiếu của người tiêu dùng trong và ngoài nước	Cục Chăn nuôi	Trung tâm Nghiên cứu và chuyển giao công nghệ chăn nuôi; Trung tâm nghiên cứu ong và nuôi ong Nhiệt đới; một số địa phương.	350.000	2024- 2026

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến nhu cầu vốn (triệu)	Thời gian triển khai
3	Phát triển về thức ăn bổ sung, thức ăn thay thế cho ong	- Sản xuất thức ăn bổ sung, thức ăn thay thế cho ong từ các nguồn nguyên liệu trong nước dễ sử dụng, bảo quản; đảm bảo cân bằng dinh dưỡng an toàn cho đàn ong, không để lại tồn dư trong sản phẩm ong mật.	Học viện NNVN	Trung tâm nghiên cứu ong và nuôi ong Nhiệt đới; một số địa phương.	350.000	2024-2026
4	Điều tra định kỳ trữ lượng cây nguồn mật phục vụ cho phát triển nuôi ong hàng hoá phục vụ xuất khẩu.	- Xác định được thành phần, trữ lượng, vùng phân bố cây nguồn mật để điều chỉnh hợp lý mật độ đàn ong với diện tích cây nguồn mật. - Xác định được thành phần, trữ lượng vùng phân bố loại cây nguồn mật mới xuất hiện do hoạt động sản xuất nông nghiệp ở các vùng khác nhau - Nâng cao năng lực quản lý cây nguồn thức ăn tự nhiên của đàn ong làm cơ sở cho phát triển quy mô đàn ong khai thác mật ong hàng hóa phục vụ xuất khẩu.	Viện Chăn nuôi	Phối hợp với một số cơ quan, đơn vị tại địa phương.	500.000	2024-2026

STT	Tên nhiệm vụ	Mục tiêu	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Dự kiến nhu cầu vốn (triệu)	Thời gian triển khai
5	Nghiên cứu các phương pháp thụ phấn cho cây trồng bằng cách sử dụng các loài ong khác nhau	Nhằm tăng năng suất và chất lượng sản phẩm của cây trồng.	Học viện NNVN	Trung tâm nghiên cứu ong và nuôi ong Nhiệt đới; một số địa phương.	300.000	2025-2030

